

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 3
Lấy ý kiến thẩm định
Bộ Tư pháp

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3

“a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng có thời hạn;”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4

“2. Buộc tiêu hủy các máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi có thưởng, đồng tiền quy ước vượt quá số lượng, không đúng chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng, không đúng quy định của pháp luật.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7

“1. Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 39 và khoản 2 Điều 56 Nghị định này, người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan tiến hành

tổ tụng hình sự có thẩm quyền để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh casino.”

b) Sửa đổi điểm b và bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“b) Kinh doanh casino trong thời gian bị thu hồi, chấm dứt kinh doanh casino, tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh casino có thời hạn.”

c) Kinh doanh casino không đúng với nội dung được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.”

Điều 5. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 27

“c) Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn trái phép Điểm kinh doanh để tổ chức hoạt động kinh doanh casino.”

Điều 6. Bổ sung Điều 27a vào sau Điều 27

“Điều 27a. Hành vi vi phạm về thời gian hoạt động

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về thời điểm tạm ngừng hoạt động kinh doanh không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

b) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về thời điểm kinh doanh trở lại không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

c) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh casino trong thời gian cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu tạm ngừng kinh doanh;

b) Kinh doanh casino trong thời gian tạm ngừng kinh doanh đã thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30

“1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát các đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh;
- b) Sổ theo dõi để kiểm soát các đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh không đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật;
- c) Sổ theo dõi để kiểm soát các đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh không lưu trữ trong thời hạn tối thiểu theo quy định của pháp luật.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 32

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy toàn bộ đồng tiền quy ước không đúng quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 33

a) Bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Kinh doanh các máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi có nội dung, hình ảnh văn hóa chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định cho phép phổ biến, lưu hành theo quy định của pháp luật.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

b) Buộc tiêu hủy toàn bộ máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi không đúng quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.”

Điều 10. Sửa đổi tên Điều 34 và bổ sung một số điểm, khoản Điều 34

a) Sửa đổi tên Điều 34 như sau:

“Điều 34. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát nội bộ, người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh và Quy chế giải quyết tranh chấp”

b) Bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Không công bố công khai Quy chế giải quyết tranh chấp”.

c) Bổ sung điểm c khoản 2 như sau

“c) Không xây dựng và ban hành Quy chế giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật;”

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 40

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian bị thu hồi, chấm dứt kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;”

c) Bổ sung điểm c và điểm d khoản 3 như sau:

“c) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng không đúng với nội dung được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật;

d) Không làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng sau khi tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định.”

Điều 12. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 41

“c) Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn trái phép Điểm kinh doanh để tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.”

Điều 13. Bổ sung Điều 41a vào sau Điều 41

“Điều 41a. Hành vi vi phạm về khai trương hoạt động và thời gian hoạt động

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về thời điểm tạm ngừng hoạt động kinh doanh không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

b) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về thời điểm kinh doanh trở lại không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

c) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đến 200.000.000 đồng đối với một trong các

hành vi phạm sau:

a) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu tạm ngừng kinh doanh;

b) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian tạm ngừng kinh doanh đã thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.”

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 44 “1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát các đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh;

b) Sổ theo dõi để kiểm soát các đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh không đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật;

c) Sổ theo dõi để kiểm soát các đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh không lưu trữ trong thời hạn tối thiểu theo quy định của pháp luật.”

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 46

“4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy toàn bộ đồng tiền quy ước không đúng quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.”

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 47a) Bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Kinh doanh các máy trò chơi điện tử có thưởng và các thiết bị trò chơi có nội dung, hình ảnh văn hóa chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định cho phép phổ biến, lưu hành theo quy định của pháp luật.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

b) Buộc tiêu hủy toàn bộ máy trò chơi điện tử có thưởng, thiết bị trò chơi vi phạm đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3

Điều này.”

Điều 17. Sửa đổi tên Điều 48 và bổ sung một số điểm, khoản Điều 48

a) Sửa đổi tên Điều 48 như sau:

“Điều 48. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát nội bộ, người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh và Quy chế giải quyết tranh chấp”

b) Bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Không niêm yết công khai Quy chế giải quyết tranh chấp tại Điểm kinh doanh hoặc không phát tờ rơi Quy chế giải quyết tranh chấp cho người chơi”.

c) Bổ sung điểm c khoản 2 như sau

“c) Không xây dựng và ban hành Quy chế giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật;”

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 53

“Điều 53. Hành vi vi phạm quy định về nhận biết khách hàng, về đánh giá rủi ro, về phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro và vi phạm quy định liên quan đến khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Hành vi không nhận biết khách hàng; không cập nhật, không xác minh thông tin nhận biết khách hàng hoặc nhận biết khách hàng; cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt;

b) Hành vi không cập nhật danh sách đen;

c) Không thực hiện đánh giá, không cập nhật kết quả đánh giá rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật;

d) Không báo cáo kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro hoặc phổ biến kết quả đánh giá hoặc cập nhật rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hoặc không ban hành quy trình quản lý rủi ro; không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro hoặc xây dựng quy trình quản lý rủi ro; phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các quy định liên quan đến khách hàng là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 54

“Điều 54. Hành vi vi phạm quy định về quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định nội bộ trong việc thực hiện kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Không áp dụng quy định nội bộ về phân công hoặc không đăng ký phân công cán bộ, bộ phận chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định nội bộ về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành quy định nội bộ hoặc ban hành quy định nội bộ không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.”

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 55

“Điều 55. Hành vi vi phạm quy định về báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ, báo cáo hành vi nghi ngờ rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, về trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản, về lưu trữ, cung cấp và bảo đảm bí mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Vi phạm quy định về thời hạn hoặc yêu cầu về tính đầy đủ, chính xác về thông tin báo cáo đối với báo cáo giao dịch có giá trị lớn theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Gửi báo cáo không đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ

phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt;

c) Không cung cấp kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố, pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu báo cáo; lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố, pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt;

đ) Không tuân thủ quy định về bảo mật thông tin nhận biết khách hàng đối với thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo liên quan đến các giao dịch báo cáo theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố, pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt.

2. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo;

b) Không báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt;

c) Không báo cáo khi có nghi ngờ khách hàng hoặc giao dịch của khách hàng liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt hoặc khách hàng nằm trong danh sách đen, danh sách bị chỉ định theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố, pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt;

d) Không báo cáo việc trì hoãn giao dịch theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố;

đ) Không báo cáo ngay khi thực hiện việc tạm dừng lưu thông, phong toả tiền, tài sản liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch theo quy định tại pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố;

b) Không phong toả tài khoản, không áp dụng biện pháp niêm phong, phong toả hoặc tạm giữ tài sản khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền;

c) Không thực hiện tạm dừng lưu thông, phong toả tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 56

“Điều 56. Hành vi vi phạm quy định về các hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả;
- b) Cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện, trợ giúp thực hiện hành vi rửa tiền;
- b) Không tố giác hành vi tài trợ khủng bố;
- c) Trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp tiền, tài sản, nguồn tài chính, nguồn lực kinh tế, dịch vụ tài chính hoặc dịch vụ khác cho tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố
- d) Cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, phòng chống khủng bố”.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.”.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 58

“1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 40.000.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 80.000.000 đồng.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủ đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 120.000.000 đồng.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh nội địa; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 160.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. "

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau:

“Điều 59. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Tài chính và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Tài chính

- a) Phạt cảnh cáo.
- b) Phạt tiền đến 160.000.000 đồng.
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- a) Phạt cảnh cáo.
- b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng.
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
- d) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn theo quy định tại Nghị định này.
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

Điều 24. Bổ sung Điều 59a vào sau Điều 59 như sau:

“Điều 59a. Thẩm quyền của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng

1. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
 - d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.
2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ Tài chính được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
 - d) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn theo quy định tại Nghị định này;
 - đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 60

- a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 60 như sau:

“1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ quy định tại Điều 58, Điều 59 và Điều 59a Nghị định này phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính.”.

- b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 60 như sau:

“3. Ngoài những chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 58, Điều 59 và Điều 59a Nghị định này, những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý của mình thì có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.”.

Điều 26. Thay thế, bãi bỏ một số quy định từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 137/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng

1. Thay thế cụm từ “Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino” bằng cụm từ “Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh casino” tại khoản 4 Điều 26; khoản 2 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 4 Điều 29; khoản 3 Điều 30; điểm b và điểm c khoản 4 Điều 33; khoản 4 Điều 34; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 36;

2. Thay thế cụm từ “Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng” bằng cụm từ “Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng” tại khoản 4 Điều 40; khoản 2 Điều 41; khoản 3 Điều 42; khoản 4 Điều 43; khoản 3 Điều 44; điểm b và điểm c khoản 4 Điều 47; khoản 4 Điều 48; khoản 3 Điều 49; khoản 4 Điều 50;

3. Thay thế cụm từ “điểm b” bằng cụm từ “điểm b và điểm c” tại điểm b khoản 2 Điều 27;

4. Thay thế cụm từ “khoản 2” bằng cụm từ “khoản 2 và điểm d khoản 3” tại khoản 4 Điều 40;

5. Thay thế cụm từ “điểm b” bằng cụm từ “điểm b và điểm c” tại điểm b khoản 2 Điều 41;

6. Thay thế cụm từ “khoản 1” bằng cụm từ “điểm a và điểm b khoản 1” tại khoản 3 Điều 41;

7. Thay thế cụm từ “công bố” bằng cụm từ “niêm yết và phát hành tờ rơi” tại điểm b khoản 2 Điều 43;

8. Thay thế cụm từ “đăng ký” bằng cụm từ “thông báo bằng văn bản về mẫu mã, số lượng, chủng loại” tại khoản 2 Điều 46;

9. Thay thế cụm từ “đăng ký” bằng cụm từ “thông báo” tại khoản 3 Điều 46;

10. Thay thế cụm từ “khoản 3” bằng cụm từ “điểm a và điểm b khoản 3” tại điểm c khoản 4 Điều 47;

11. Bỏ cụm từ “Riêng đối với hành vi sử dụng phiếu lý lịch tư pháp giả trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược, mức phạt tiền thực hiện theo quy định tại điểm r khoản 2 Điều 81 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).” tại khoản 2 Điều 8 và cụm từ “Riêng đối với hành vi sử dụng phiếu lý lịch tư pháp giả trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, mức phạt tiền thực hiện theo quy định tại điểm r khoản 2 Điều 81 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)” tại khoản 2 Điều 25;

12. Bỏ cụm từ “theo danh sách đã đăng ký trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino” tại điểm b khoản 1 Điều 34;

13. Bỏ cụm từ “theo danh sách đã đăng ký trong hồ sơ xin cấp Giấy

chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng” tại điểm b khoản 1 Điều 48;

14. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 4 Chương II như sau: “ Hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt”.

15. Bãi bỏ khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 4 Điều 33; điểm a khoản 4 Điều 47, Điều 57, Điều 61.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026.

2. Đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng đã được ban hành hoặc được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 137/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng để giải quyết.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG